

Số: 04/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22/01/2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT – TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Tùng;

2. Bà Trần Thị Ngọc Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chau Chanh Đô Ra - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tham gia phiên tòa: Ông Chau Pho Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 406/2020/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 12 năm 2020 về: “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXX- DS ngày 05 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm: 1964; địa chỉ cư trú: Tổ 36, khóm 1, thị trấn TT, huyện TT;

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1968; cùng địa chỉ cư trú: Tổ 36, khóm 1, thị trấn TT, huyện TT.

Tại phiên tòa, có mặt ông T. Bà H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/6/2020 với các tài liệu kèm theo và quá trình tố tụng tại tòa, ông Nguyễn Quốc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông với bà H tự tìm hiểu nhau được 02 năm tiến đến hôn nhân, được cha mẹ hai bên đồng ý cho chung sống nhau từ năm 1989, nhưng không tổ chức đám cưới, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng đến tháng 01/2007 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà H không quan tâm đến đời sống vợ chồng, thay đổi bản tính, sống lẩn nhẩn với bên ngoài, nhiều lần ông khuyên ngăn nhưng bà không nghe, dẫn đến bất đồng và gây cãi rồi ly thân nhau từ khoảng 13 năm nay. Nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông xin ly hôn với bà H.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống với ông H có 01 con chung tên Nguyễn Thanh Tu, sinh ngày 09/8/1990, hiện đã trưởng thành. Khi ly hôn ông không yêu cầu giải quyết:

Về quan hệ tài sản chung: Ông với bà H không có tài sản chung.

Về quan hệ nợ chung: Ông với bà H không có nợ chung và cũng không ai nợ ông bà.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà với ông T được hình thành đúng như ông T trình bày. Bà cũng xác định giữa bà với ông T là từ khi tìm hiểu chung sống nhau đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nhưng nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày, ông T làm gì không thông qua bà; bà khuyên ngăn nhưng ông không nghe và gây cãi nhau, chứ không phải bà có quan hệ quen biết với người khác như ông T trình bày. Bà cũng thừa nhận giữa hai người ly thân nhau từ hơn 13 năm nay và việc trở lại chung sống là không thể, nên nay bà đồng ý ly hôn với ông T.

Về quan hệ con chung: Thống nhất với trình bày của ông T là có 01 con chung, họ tên và ngày tháng năm sinh như ông T trình bày, hiện con chung đã trưởng thành và sống tự lập. Khi ly hôn bà cũng thống nhất không yêu cầu giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Thống nhất với trình bày của ông T.

Tại phiên tòa, ông T – bà H bảo lưu ý kiến của mình.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự trong vụ án cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Ông T – bà H chung sống nhưng không đăng ký kết hôn, nên không xem là hôn nhân hợp pháp. Nay ông T xin ly hôn, đề nghị tuyên không công nhận ông T – bà H là quan hệ vợ chồng; hai người có con chung nhưng đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết, cũng như về tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có, nên không xem xét. Từ phân tích trên đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Ông T khởi kiện: “Tranh chấp ly hôn” với bà H là thuộc thẩm quyền của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bà H có địa chỉ cư trú tại huyện TT, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện TT giải quyết đúng thẩm quyền. Bà H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, HĐXX xét xử vắng mặt bà H theo Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa ông T – bà H được hình thành là do hai người tự tìm hiểu và chung sống nhau từ năm 1989; lẽ ra ông T – bà H phải tuân thủ pháp luật, đăng lý kết hôn theo quy định, nhưng giai đoạn hòa giải cũng như tại phiên tòa ông T – bà H cùng trình bày từ trước đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Trình bày của ông T – bà H phù hợp với kết quả xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn TT, huyện TT ngày 04/01/2021, nơi ông T – bà H có đăng ký hộ khẩu, nên HĐXX áp dụng Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình tuyên không công nhận ông Nguyễn Quốc T – bà Nguyễn Thị H là quan hệ vợ chồng.

[3]. *Về quan hệ con chung*: Xét thấy Nguyễn Thanh Tu, sinh ngày 09/8/1990, hiện đã trưởng thành. Khi ly hôn ông T – bà H không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không đề cập xem xét.

[4]. *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: Ông T – bà H cùng khai không có tài sản chung và không có nợ chung, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Ông T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Quốc T.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Quốc T – bà Nguyễn Thị H là quan hệ vợ chồng;

Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn Quốc T – bà Nguyễn Thị H có 01 con chung tên Nguyễn Thanh Tu, sinh ngày 09/8/1990, hiện đã trưởng thành.

Về quan hệ tài sản chung: Ông T – bà H tự thỏa thuận về tài sản chung.

Về quan hệ nợ chung: Ông T – bà H khai không có nợ chung.

Về án phí: Ông Nguyễn Quốc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000615 ngày 23/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn (*ông T nộp đủ*).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/01/2021), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAT;
- VKS huyện;
- THADS để thi hành.
- UBND TT TT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Vp.

Lê Văn Huệ